

Số: 525 /TB-BV

Nghệ An, ngày 30 tháng 01 năm 2026

THÔNG BÁO

V/v Thông tin thi tuyển vòng 2 kỳ thi tuyển viên chức năm 2025

Kính gửi: Các thí sinh đủ điều kiện thi vòng 02 kỳ thi viên chức năm 2025
của Bệnh viện Hữu nghị đa khoa Nghệ An

Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP của Chính phủ ngày 25/9/2020 quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Nghị định 85/2023/NĐ-CP của Chính phủ ngày 07/12/2023 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 115/2020/NĐ-CP; Căn cứ Thông tư số 001/2025/TT-BNV ngày 17/03/2025 của Bộ Nội vụ về việc ban hành Nội quy và Quy chế tuyển dụng, nâng ngạch, xét thăng hạng công chức, viên chức;

Căn cứ Quyết định số 499/QĐ-BV ngày 29/01/2026 về việc công nhận kết quả thi vòng 01 – Kỳ thi tuyển viên chức năm 2025 của Giám đốc Bệnh viện Hữu nghị đa khoa Nghệ An;

Căn cứ Thông báo số 501/TB-BV ngày 29/01/2026 về việc Danh sách thí sinh đủ điều kiện thi vòng 2 kỳ thi tuyển viên chức năm 2025 của Hội đồng thi tuyển viên chức năm 2025;

Bệnh viện Hữu nghị đa khoa Nghệ An thông báo tới thí sinh các nội dung chi tiết đính kèm tại thông báo này:

- Thí sinh có mặt lúc 13h00, chiều chủ nhật, ngày 01/02/2026.
- Danh sách ứng viên, số báo danh, phòng thi.
- Địa điểm thi tuyển vòng 2: Tòa nhà khảo thí, Đại học Vinh, 182 Lê Duẩn, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An
- Sơ đồ phòng thi, địa điểm thi.

Lưu ý: Thí sinh mang theo Thẻ căn cước công dân hoặc Thẻ căn cước hoặc một trong các loại giấy tờ tùy thân hợp pháp khác có ảnh và thông tin cá nhân.

Đề nghị các ứng viên cập nhật thông tin để chuẩn bị cho công tác thi tuyển viên chức tại Bệnh viện Hữu nghị đa khoa Nghệ An được tốt nhất.

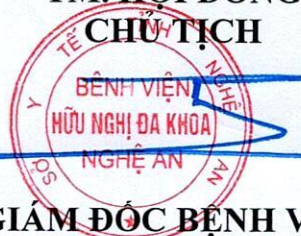
Trân trọng cảm ơn./

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu: VT, TCCB

TM. HỘI ĐỒNG
CHỦ TỊCH



GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN
Nguyễn Văn Hương

DANH SÁCH ỨNG VIÊN THAM GIA THI VÒNG 2 KỲ THI TUYỂN VIÊN CHỨC NĂM 2025

(Đính kèm Thông báo số 515 /TB-BV ngày 30/01/2026 của Hội đồng thi tuyển viên chức năm 2025)

STT	Vị trí dự tuyển	Số báo danh	Phòng thi	Họ và tên	Ngày sinh	Trình độ chuyên môn	Đối tượng ưu tiên	Điểm cộng ưu tiên	Ghi chú
1	Bác sĩ hạng III	1	KT.301	Lê Thị An	07.12.2001	Bác sĩ y đa khoa			
2	Bác sĩ hạng III	2	KT.301	Nguyễn Duy An	06.09.2001	Bác sĩ y đa khoa			
3	Bác sĩ hạng III	3	KT.301	Nguyễn Bảo An	01.02.2001	Bác sĩ y đa khoa			
4	Bác sĩ hạng III	4	KT.301	Phan Đình Tuấn Anh	19.08.2001	Bác sĩ y đa khoa			
5	Bác sĩ hạng III	5	KT.301	Nguyễn Thị Vân Anh	15.11.2000	Bác sĩ y đa khoa			
6	Bác sĩ hạng III	6	KT.301	Lữ Tiến Anh	13.03.1999	Bác sĩ y đa khoa	Dân tộc Thái	5	
7	Bác sĩ hạng III	7	KT.301	Nguyễn Thị Tuyết Anh	14.12.2001	Bác sĩ y đa khoa			
8	Bác sĩ hạng III	8	KT.301	Trần Thị Trâm Anh	02.09.2001	Bác sĩ y đa khoa			
9	Bác sĩ hạng III	9	KT.301	Nghiêm Thị Ngọc Ánh	02.09.2000	Bác sĩ y đa khoa			
10	Bác sĩ hạng III	10	KT.301	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	07.12.2000	Bác sĩ y đa khoa			
11	Bác sĩ hạng III	11	KT.301	Trương Thị Ngọc Ánh	29.04.2001	Bác sĩ y đa khoa			
12	Bác sĩ hạng III	12	KT.301	Hồ Sỹ Bằng	21.04.2001	Bác sĩ y đa khoa			
13	Bác sĩ hạng III	13	KT.301	Nguyễn Quang Bình	18.03.2001	Bác sĩ y đa khoa			
14	Bác sĩ hạng III	14	KT.301	Lê Huy Cần	08.05.2000	Bác sĩ y đa khoa			
15	Bác sĩ hạng III	15	KT.301	Cao Thị Yến Chi	10.08.2001	Bác sĩ y đa khoa			
16	Bác sĩ hạng III	16	KT.301	Lê Hồng Chiến	17.07.1998	Bác sĩ y đa khoa			
17	Bác sĩ hạng III	17	KT.301	Lê Kim Đại	13.07.2001	Bác sĩ y đa khoa			
18	Bác sĩ hạng III	18	KT.301	Đặng Duy Hải Đăng	05.10.2000	Bác sĩ y đa khoa			
19	Bác sĩ hạng III	19	KT.301	Đào Tiến Đạt	15.06.1999	Bác sĩ y đa khoa			
20	Bác sĩ hạng III	20	KT.301	Nguyễn Thành Đạt	26.10.2001	Bác sĩ y đa khoa			
21	Bác sĩ hạng III	21	KT.301	Nguyễn Thành Đạt	25.06.2001	Bác sĩ y đa khoa			
22	Bác sĩ hạng III	22	KT.301	Nguyễn Đức Định	29.01.1998	Bác sĩ y đa khoa			
23	Bác sĩ hạng III	23	KT.301	Nguyễn Anh Đức	13.03.2000	Bác sĩ y đa khoa			
24	Bác sĩ hạng III	24	KT.302	Nguyễn Đặng Đức	24.08.1995	Bác sĩ y đa khoa			

STT	Vị trí dự tuyển	Số báo danh	Phòng thi	Họ và tên	Ngày sinh	Trình độ chuyên môn	Đối tượng ưu tiên	Điểm cộng ưu tiên	Ghi chú
25	Bác sĩ hạng III	25	KT.302	Hoàng Thị Dung	12.12.2001	Bác sĩ y đa khoa			
26	Bác sĩ hạng III	26	KT.302	Nguyễn Thuỳ Dung	30.06.2001	Bác sĩ y đa khoa			
27	Bác sĩ hạng III	27	KT.302	Phan Doãn Dương	08.07.2001	Bác sĩ y đa khoa	Con thương binh	5	
28	Bác sĩ hạng III	28	KT.302	Nguyễn Trường Duy	27.01.1998	Bác sĩ y đa khoa			
29	Bác sĩ hạng III	29	KT.302	Hà Thị Mỹ Duyên	02.07.2001	Bác sĩ y đa khoa	Dân tộc Thái	5	
30	Bác sĩ hạng III	30	KT.302	Bùi Thị Quỳnh Giang	11.09.1999	Bác sĩ y đa khoa			
31	Bác sĩ hạng III	31	KT.302	Nguyễn Thị Trà Giang	24.03.1998	Bác sĩ y đa khoa			
32	Bác sĩ hạng III	32	KT.302	Võ Thị Thu Hà	11.10.2000	Bác sĩ y đa khoa			
33	Bác sĩ hạng III	33	KT.302	Cung Đình Hải	28.04.2001	Bác sĩ y đa khoa			
34	Bác sĩ hạng III	34	KT.302	Lê Thị Hằng	06.07.1999	Bác sĩ y đa khoa			
35	Bác sĩ hạng III	35	KT.302	Hồ Thị Minh Hằng	09.01.2001	Bác sĩ y đa khoa			
36	Bác sĩ hạng III	36	KT.302	Phạm Văn Hạnh	10.10.1998	Bác sĩ y đa khoa			
37	Bác sĩ hạng III	37	KT.302	Lê Thị Hạnh	26.08.2001	Bác sĩ y đa khoa	Con thương binh	5	
38	Bác sĩ hạng III	38	KT.302	Trần Thị Hạnh	28.10.2001	Bác sĩ y đa khoa			
39	Bác sĩ hạng III	39	KT.302	Nguyễn Thị Hạnh	27.11.2000	Bác sĩ y đa khoa			
40	Bác sĩ hạng III	40	KT.302	Trần Văn Hậu	20.10.1993	Bác sĩ y đa khoa			
41	Bác sĩ hạng III	41	KT.302	Nguyễn Văn Hiến	18.11.2000	Bác sĩ y đa khoa			
42	Bác sĩ hạng III	42	KT.302	Nguyễn Thị Thu Hiền	22.06.2001	Bác sĩ y đa khoa			
43	Bác sĩ hạng III	43	KT.302	Hồ Thị Hoa	07.05.2000	Bác sĩ y đa khoa			
44	Bác sĩ hạng III	44	KT.302	Lê Thị Hoài	05.01.1999	Bác sĩ y đa khoa			
45	Bác sĩ hạng III	45	KT.302	Nguyễn Đình Hoạt	16.09.2001	Bác sĩ y đa khoa			
46	Bác sĩ hạng III	46	KT.302	Đào Thị Thu Hương	27.01.1993	Bác sĩ y đa khoa			
47	Bác sĩ hạng III	47	KT.303	Phan Lê Quốc Huy	23.04.2001	Bác sĩ y đa khoa			
48	Bác sĩ hạng III	48	KT.303	Võ Văn Khánh	14.02.2000	Bác sĩ y đa khoa			
49	Bác sĩ hạng III	49	KT.303	Nguyễn Khánh Linh	06.01.1998	Bác sĩ y đa khoa			
50	Bác sĩ hạng III	50	KT.303	Nguyễn Phương Linh	17.05.2001	Bác sĩ y đa khoa			
51	Bác sĩ hạng III	51	KT.303	Trần Thị Linh	17.05.1997	Bác sĩ y đa khoa			
52	Bác sĩ hạng III	52	KT.303	Lưu Thị Thùy Linh	23.02.2000	Bác sĩ y đa khoa			
53	Bác sĩ hạng III	53	KT.303	Dương Thị Thuỳ Linh	02.08.1999	Bác sĩ y đa khoa			

STT	Vị trí dự tuyển	Số báo danh	Phòng thi	Họ và tên	Ngày sinh	Trình độ chuyên môn	Đối tượng ưu tiên	Điểm cộng ưu tiên	Ghi chú
54	Bác sĩ hạng III	54	KT.303	Trần Thị Loan	18.08.1999	Bác sĩ y đa khoa			
55	Bác sĩ hạng III	55	KT.303	Trần Văn Lợi	16.08.2001	Bác sĩ y đa khoa			
56	Bác sĩ hạng III	56	KT.303	Chu Thăng Long	10.06.2000	Bác sĩ y đa khoa			
57	Bác sĩ hạng III	57	KT.303	Nguyễn Văn Long	01.10.1983	Bác sĩ y đa khoa			
58	Bác sĩ hạng III	58	KT.303	Nguyễn Thị Lương	20.06.1999	Bác sĩ y đa khoa			
59	Bác sĩ hạng III	59	KT.303	Nguyễn Thị Tuyết Mai	15.02.1998	Bác sĩ y đa khoa			
60	Bác sĩ hạng III	60	KT.303	Nguyễn Thị Hoa Mai	30.04.2001	Bác sĩ y đa khoa			
61	Bác sĩ hạng III	61	KT.303	Tăng Thị Sao Mai	09.01.2001	Bác sĩ y đa khoa			
62	Bác sĩ hạng III	62	KT.303	Trần Thị Huyền My	20.06.2001	Bác sĩ y đa khoa			
63	Bác sĩ hạng III	63	KT.303	Đàm Thị Thu Na	19.02.2000	Bác sĩ y đa khoa			
64	Bác sĩ hạng III	64	KT.303	Nguyễn Nai	25.02.1998	Bác sĩ y đa khoa			
65	Bác sĩ hạng III	65	KT.303	Lê Đức Nam	13.08.2001	Bác sĩ y đa khoa			
66	Bác sĩ hạng III	66	KT.303	Nguyễn Thị Quỳnh Nga	26.02.2001	Bác sĩ y đa khoa			
67	Bác sĩ hạng III	67	KT.303	Nguyễn Thị Thanh Ngân	27.12.1995	Bác sĩ y đa khoa			
68	Bác sĩ hạng III	68	KT.303	Đoàn Trọng Nghĩa	16.02.2001	Bác sĩ y đa khoa			
69	Bác sĩ hạng III	69	KT.303	Hoàng Văn Ngọc	19.06.2001	Bác sĩ y đa khoa			
70	Bác sĩ hạng III	70	KT.304	Trịnh Phạm Khôi Nguyên	20.09.2000	Bác sĩ y đa khoa			
71	Bác sĩ hạng III	71	KT.304	Hồ Mỹ Nguyên	27.04.2001	Bác sĩ y đa khoa			
72	Bác sĩ hạng III	72	KT.304	Ngô Hưng Nhật	25.07.2001	Bác sĩ y đa khoa			
73	Bác sĩ hạng III	73	KT.304	Trần Thị Trang Nhung	22.03.2001	Bác sĩ y đa khoa			
74	Bác sĩ hạng III	74	KT.304	Hoàng Thị Phương	27.11.1997	Bác sĩ y đa khoa			
75	Bác sĩ hạng III	75	KT.304	Hồ Thị Quỳnh	27.02.1999	Bác sĩ y đa khoa			
76	Bác sĩ hạng III	76	KT.304	Phạm Như Quỳnh	07.01.2001	Bác sĩ y đa khoa			
77	Bác sĩ hạng III	77	KT.304	Nguyễn Ngọc Sáng	16.08.2000	Bác sĩ y đa khoa			
78	Bác sĩ hạng III	78	KT.304	Cao Văn Sơn	10.11.1996	Bác sĩ y đa khoa			
79	Bác sĩ hạng III	79	KT.304	Nguyễn Thị Sương	28.02.2001	Bác sĩ y đa khoa			
80	Bác sĩ hạng III	80	KT.304	Nguyễn Hữu Tài	17.08.1998	Bác sĩ y đa khoa			
81	Bác sĩ hạng III	81	KT.304	Nguyễn Văn Minh Tân	11.04.2001	Bác sĩ y đa khoa			
82	Bác sĩ hạng III	82	KT.304	Võ Thị Linh Tân	20.05.2001	Bác sĩ y đa khoa			
83	Bác sĩ hạng III	83	KT.304	Nguyễn Thị Thảo	07.10.1997	Bác sĩ y đa khoa			
84	Bác sĩ hạng III	84	KT.304	Trương Thị Thảo	10.08.1997	Bác sĩ y đa khoa			
85	Bác sĩ hạng III	85	KT.304	Lê Thị Phương Thảo	08.07.2001	Bác sĩ y đa khoa			

STT	Vị trí dự tuyển	Số báo danh	Phòng thi	Họ và tên	Ngày sinh	Trình độ chuyên môn	Đối tượng ưu tiên	Điểm cộng ưu tiên	Ghi chú
86	Bác sĩ hạng III	86	KT.304	Nguyễn Đức Thịnh	02.01.2001	Bác sĩ y đa khoa	Dân tộc Mường	5	
87	Bác sĩ hạng III	87	KT.304	Nguyễn Thị Hoài Thu	20.10.2001	Bác sĩ y đa khoa			
88	Bác sĩ hạng III	88	KT.304	Lê Thị Thư	05.07.2000	Bác sĩ y đa khoa			
89	Bác sĩ hạng III	89	KT.304	Đặng Đức Thuận	25.02.1993	Bác sĩ y đa khoa	Hoàn thành nghĩa vụ quân sự	2.5	
90	Bác sĩ hạng III	90	KT.304	Phạm Thị Khánh Thương	28.11.2000	Bác sĩ y đa khoa			
91	Bác sĩ hạng III	91	KT.304	Nguyễn Thị Bích Thương	20.04.2000	Bác sĩ y đa khoa			
92	Bác sĩ hạng III	92	KT.304	Nguyễn Thị Thuỷ	01.01.1998	Bác sĩ y đa khoa			
93	Bác sĩ hạng III	93	KT.305	Nguyễn Thị Thùy	02.01.2000	Bác sĩ y đa khoa			
94	Bác sĩ hạng III	94	KT.305	Phan Đức Tiến	15.08.1999	Bác sĩ y đa khoa			
95	Bác sĩ hạng III	95	KT.305	Nguyễn Văn Toàn	03.02.1996	Bác sĩ y đa khoa			
96	Bác sĩ hạng III	96	KT.305	Nguyễn Khánh Toàn	24.09.2001	Bác sĩ y đa khoa	Con thương binh	5	
97	Bác sĩ hạng III	97	KT.305	Hồ Ngọc Trâm	18.04.2001	Bác sĩ y đa khoa			
98	Bác sĩ hạng III	98	KT.305	Lê Thị Trang	25.08.2001	Bác sĩ y đa khoa			
99	Bác sĩ hạng III	99	KT.305	Trần Như Trang	02.02.2001	Bác sĩ y đa khoa			
100	Bác sĩ hạng III	100	KT.305	Viên Thị Minh Trang	21.01.1999	Bác sĩ y đa khoa			
101	Bác sĩ hạng III	101	KT.305	Hoàng Thị Trang	28.03.2000	Bác sĩ y đa khoa			
102	Bác sĩ hạng III	102	KT.305	Nguyễn Thuỷ Trang	14.11.2001	Bác sĩ y đa khoa			
103	Bác sĩ hạng III	103	KT.305	Trần Thị Huyền Trang	06.04.2001	Bác sĩ y đa khoa			
104	Bác sĩ hạng III	104	KT.305	Đặng Kim Trang	26.08.2001	Bác sĩ y đa khoa			
105	Bác sĩ hạng III	105	KT.305	Trần Đình Trường	29.04.2001	Bác sĩ y đa khoa	Học viên tốt nghiệp sĩ quan dự bị	5	
106	Bác sĩ hạng III	106	KT.305	Hồ Thị Cẩm Tú	15.10.2001	Bác sĩ y đa khoa			
107	Bác sĩ hạng III	107	KT.305	Lê Thị Tú	20.10.2000	Bác sĩ y đa khoa			
108	Bác sĩ hạng III	108	KT.305	Nguyễn Thị Tú	22.09.2000	Bác sĩ y đa khoa			
109	Bác sĩ hạng III	109	KT.305	Nguyễn Như Tuấn	01.10.2001	Bác sĩ y đa khoa			
110	Bác sĩ hạng III	110	KT.305	Đỗ Viết Tùng	12.05.1999	Bác sĩ y đa khoa			
111	Bác sĩ hạng III	111	KT.305	Hoàng Thị Uyên	10.09.2001	Bác sĩ y đa khoa			

STT	Vị trí dự tuyển	Số báo danh	Phòng thi	Họ và tên	Ngày sinh	Trình độ chuyên môn	Đối tượng ưu tiên	Điểm cộng ưu tiên	Ghi chú
112	Bác sĩ hạng III	112	KT.305	Võ Tú Uyên	31.05.2001	Bác sĩ y đa khoa			
113	Bác sĩ hạng III	113	KT.305	Phan Thị Thảo Vân	04.11.2000	Bác sĩ y đa khoa			
114	Bác sĩ hạng III	114	KT.305	Phan Đình Vinh	04.05.2000	Bác sĩ y đa khoa			
115	Bác sĩ hạng III	115	KT.305	Đinh Thị Tường Vy	11.06.2001	Bác sĩ y đa khoa			
116	Bác sĩ hạng III	116	KT.305	Nguyễn Thị Bảo Yến	26.04.2001	Bác sĩ y đa khoa			
117	Dược sĩ hạng III	117	KT.306	Nguyễn Ngọc Chi	14.02.2002	Dược sĩ Đại học			
118	Dược sĩ hạng III	118	KT.306	Nguyễn Thành Đạt	28.02.1999	Dược sĩ Đại học			
119	Dược sĩ hạng III	119	KT.306	Đỗ Quốc Dũng	29.11.1989	Dược sĩ Đại học	Con thương binh	5	
120	Dược sĩ hạng III	120	KT.306	Phan Thị Thanh Giang	12.07.2002	Dược sĩ Đại học			
121	Dược sĩ hạng III	121	KT.306	Nguyễn Thị Trà Giang	25.05.2000	Dược sĩ Đại học			
122	Dược sĩ hạng III	122	KT.306	Bùi Thị Ngọc Hà	31.10.2000	Dược sĩ Đại học			
123	Dược sĩ hạng III	123	KT.306	Lê Thị Mỹ Hạnh	03.02.1997	Dược sĩ Đại học			
124	Dược sĩ hạng III	124	KT.306	Nguyễn Thị Hiếu	01.10.2000	Dược sĩ Đại học			
125	Dược sĩ hạng III	125	KT.306	Nguyễn Thị Hoa	08.06.1998	Dược sĩ Đại học			
126	Dược sĩ hạng III	126	KT.306	Nguyễn Văn Việt Hoàng	26.10.2002	Dược sĩ Đại học			
127	Dược sĩ hạng III	127	KT.306	Nguyễn Mai Hương	10.08.2001	Dược sĩ Đại học			
128	Dược sĩ hạng III	128	KT.306	Hoàng Thị Lam	19.07.2000	Dược sĩ Đại học			
129	Dược sĩ hạng III	129	KT.306	Nguyễn Công Lâm	04.01.2002	Dược sĩ Đại học			
130	Dược sĩ hạng III	130	KT.306	Trần Thị Lê	07.06.2001	Dược sĩ Đại học			
131	Dược sĩ hạng III	131	KT.306	Thái Nguyễn Thảo Linh	09.05.2001	Dược sĩ Đại học			
132	Dược sĩ hạng III	132	KT.306	Nguyễn Tống Ái Linh	05.01.2002	Dược sĩ Đại học			
133	Dược sĩ hạng III	133	KT.306	Ngô Thanh Lộc	13.03.2001	Dược sĩ Đại học			
134	Dược sĩ hạng III	134	KT.306	Lê Tiến Long	15.08.2000	Dược sĩ Đại học			
135	Dược sĩ hạng III	135	KT.306	Nguyễn Văn Mạnh	19.08.2002	Dược sĩ Đại học			
136	Dược sĩ hạng III	136	KT.306	Trần Văn Mạnh	16.10.2002	Dược sĩ Đại học			
137	Dược sĩ hạng III	137	KT.306	Nguyễn Thị Ngọc Mơ	23.11.2000	Dược sĩ Đại học			
138	Dược sĩ hạng III	138	KT.306	Trần Thảo My	24.04.2001	Dược sĩ Đại học			
139	Dược sĩ hạng III	139	KT.307	Nguyễn Thái Mai Phương	08.04.2002	Dược sĩ Đại học			
140	Dược sĩ hạng III	140	KT.307	Nguyễn Thị Hương Phương	21.08.1997	Dược sĩ Đại học			
141	Dược sĩ hạng III	141	KT.307	Dương Đình Quý	30.10.1994	Dược sĩ Đại học			
142	Dược sĩ hạng III	142	KT.307	Tăng Thị Quyên	19.10.2002	Dược sĩ Đại học			

STT	Vị trí dự tuyển	Số báo danh	Phòng thi	Họ và tên	Ngày sinh	Trình độ chuyên môn	Đối tượng ưu tiên	Điểm cộng ưu tiên	Ghi chú
143	Dược sĩ hạng III	143	KT.307	Nguyễn Thị Quỳnh	13.08.2001	Dược sĩ đại học			
144	Dược sĩ hạng III	144	KT.307	Phạm Diễm Quỳnh	02.01.1999	Dược sĩ Đại học			
145	Dược sĩ hạng III	145	KT.307	Nguyễn Thị Hải Quỳnh	28.10.2002	Dược sĩ Đại học			
146	Dược sĩ hạng III	146	KT.307	Vi Thái Sơn	24.10.1992	Dược sĩ Đại học	Dân tộc Thái	5	
147	Dược sĩ hạng III	147	KT.307	Nguyễn Thị Thanh	12.12.2001	Dược sĩ Đại học			
148	Dược sĩ hạng III	148	KT.307	Đặng Thị Phương Thảo	15.12.2002	Dược sĩ đại học			
149	Dược sĩ hạng III	149	KT.307	Hoàng Thị Dương Thảo	26.09.2002	Dược sĩ Đại học			
150	Dược sĩ hạng III	150	KT.307	Trịnh Xuân Anh Thông	27.01.2001	Dược sĩ Đại học	Dân tộc Thái	5	
151	Dược sĩ hạng III	151	KT.307	Nguyễn Thị Hoài Thương	20.04.2001	Dược sĩ Đại học			
152	Dược sĩ hạng III	152	KT.307	Hồ Thị Kim Trang	27.07.2000	Dược sĩ Đại học			
153	Dược sĩ hạng III	153	KT.307	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	02.10.2001	Dược sĩ Đại học			
154	Dược sĩ hạng III	154	KT.307	Phan Thị Quỳnh Trang	05.04.1995	Dược sĩ Đại học			
155	Dược sĩ hạng III	155	KT.307	Nguyễn Thị Huyền Trang	04.09.2002	Dược sĩ Đại học			
156	Dược sĩ hạng III	156	KT.307	Hoàng Thị Quỳnh Trang	16.04.2001	Dược sĩ Đại học			
157	Dược sĩ hạng III	157	KT.307	Đặng Thị Trang	02.02.2000	Dược sĩ Đại học			
158	Dược sĩ hạng III	158	KT.307	Phùng Thị Cẩm Tú	08.03.2002	Dược sĩ Đại học			
159	Dược sĩ hạng III	159	KT.307	Lê Thị Tú Uyên	11.07.1999	Dược sĩ Đại học	Con thương binh	5	
160	Dược sĩ hạng III	160	KT.307	Nguyễn Thị Việt	02.09.1998	Dược sĩ Đại học			
161	Điều Dưỡng Hạng III	161	KT.308	Nguyễn Thị Tú Anh	25.06.1996	Cử nhân Điều Dưỡng			
162	Điều Dưỡng Hạng III	162	KT.308	Trần Minh Ánh	27.05.2000	Cử nhân Điều Dưỡng			
163	Điều Dưỡng Hạng III	163	KT.308	Nguyễn Thị Ngọc Bích	16.09.1988	Cử nhân Điều Dưỡng	Con thương binh	5	
164	Điều Dưỡng Hạng III	164	KT.308	Nguyễn Thị Quỳnh Chi	18.04.2003	Cử nhân Điều Dưỡng			
165	Điều Dưỡng Hạng III	165	KT.308	Nguyễn Thị Linh Chi	03.09.1998	Cử nhân Điều Dưỡng			

STT	Vị trí dự tuyển	Số báo danh	Phòng thi	Họ và tên	Ngày sinh	Trình độ chuyên môn	Đối tượng ưu tiên	Điểm cộng ưu tiên	Ghi chú
166	Điều Dưỡng Hạng III	166	KT.308	Nguyễn Huyền Diệu	23.12.2003	Cử nhân Điều Dưỡng			
167	Điều Dưỡng Hạng III	167	KT.308	Nguyễn Thị Thuỳ Dung	20.04.2003	Cử nhân Điều Dưỡng			
168	Điều Dưỡng Hạng III	168	KT.308	Hoàng Thuỳ Dung	05.06.1993	Cử nhân Điều Dưỡng			
169	Điều Dưỡng Hạng III	169	KT.308	Nguyễn Thị Dung	27.03.1996	Cử nhân Điều Dưỡng			
170	Điều Dưỡng Hạng III	170	KT.308	Nguyễn Thị Dung	07.05.1999	Cử nhân Điều Dưỡng			
171	Điều Dưỡng Hạng III	171	KT.308	Đinh Thị Giang	28.03.2003	Cử nhân Điều Dưỡng			
172	Điều Dưỡng Hạng III	172	KT.308	Đặng Trà Giang	10.10.1994	Cử nhân Điều Dưỡng	Con thương binh	5	
173	Điều Dưỡng Hạng III	173	KT.308	Lê Thị Quỳnh Giang	01.10.2003	Cử nhân Điều Dưỡng			
174	Điều Dưỡng Hạng III	174	KT.308	Trần Thị Giang	14.05.1994	Cử nhân Điều Dưỡng			
175	Điều Dưỡng Hạng III	175	KT.308	Nguyễn Hữu Giang	24.07.1988	Cử nhân Điều Dưỡng	Con thương binh	5	
176	Điều Dưỡng Hạng III	176	KT.308	Nguyễn Thị Hà	08.11.1999	Cử nhân Điều Dưỡng			
177	Điều Dưỡng Hạng III	177	KT.308	Nguyễn Thị Hà	25.02.1985	Cử nhân Điều Dưỡng	Con thương binh	5	
178	Điều Dưỡng Hạng III	178	KT.308	Nguyễn Thị Hà	04.09.1995	Cử nhân Điều Dưỡng			
179	Điều Dưỡng Hạng III	179	KT.308	Hồ Thị Hồng Hạnh	08.11.1991	Cử nhân Điều Dưỡng			
180	Điều Dưỡng Hạng III	180	KT.308	Đặng Thị Hảo	16.03.2003	Cử nhân Điều Dưỡng			
181	Điều Dưỡng Hạng III	181	KT.308	Trần Thị Minh Hiền	09.10.1997	Cử nhân Điều Dưỡng			

STT	Vị trí dự tuyển	Số báo danh	Phòng thi	Họ và tên	Ngày sinh	Trình độ chuyên môn	Đối tượng ưu tiên	Điểm cộng ưu tiên	Ghi chú
182	Điều Dưỡng Hạng III	182	KT.308	Nguyễn Thị Hoài	03.10.1999	Cử nhân Điều Dưỡng			
183	Điều Dưỡng Hạng III	183	KT.308	Nguyễn Thị Mỹ Hoài	26.04.1998	Cử nhân Điều Dưỡng			
184	Điều Dưỡng Hạng III	184	KT.309	Trần Thị Thanh Huyền	21.02.2003	Cử nhân Điều Dưỡng			
185	Điều Dưỡng Hạng III	185	KT.309	Ngô Trí Kiên	07.05.2001	Cử nhân Điều Dưỡng			
186	Điều Dưỡng Hạng III	186	KT.309	Cao Thị Thanh Lam	14.01.2003	Cử nhân Điều Dưỡng			
187	Điều Dưỡng Hạng III	187	KT.309	Thái Thị Lan	07.09.1993	Cử nhân Điều Dưỡng			
188	Điều Dưỡng Hạng III	188	KT.309	Hoàng Thị Cẩm Linh	03.04.2003	Cử nhân Điều Dưỡng			
189	Điều Dưỡng Hạng III	189	KT.309	Dương Thị Khánh Linh	20.01.2003	Cử nhân Điều Dưỡng			
190	Điều Dưỡng Hạng III	190	KT.309	Nguyễn Thị Linh	27.04.2003	Cử nhân Điều Dưỡng			
191	Điều Dưỡng Hạng III	191	KT.309	Nguyễn Thị Thuỳ Linh	14.05.2000	Cử nhân Điều Dưỡng			
192	Điều Dưỡng Hạng III	192	KT.309	Nguyễn Thị Long	10.04.2003	Cử nhân Điều Dưỡng			
193	Điều Dưỡng Hạng III	193	KT.309	Trần Thị Lượng	24.10.1995	Cử nhân Điều Dưỡng			
194	Điều Dưỡng Hạng III	194	KT.309	Đậu Thị Ly	18.10.2003	Cử nhân Điều Dưỡng			
195	Điều Dưỡng Hạng III	195	KT.309	Lô Kha Lê Na	15.09.2003	Cử nhân Điều Dưỡng	Dân tộc Thái	5	
196	Điều Dưỡng Hạng III	196	KT.309	Hoàng Thị Lê Na	20.07.2000	Cử nhân Điều Dưỡng			
197	Điều Dưỡng Hạng III	197	KT.309	Nguyễn Thị Hằng Nga	11.09.2003	Cử nhân Điều Dưỡng			

STT	Vị trí dự tuyển	Số báo danh	Phòng thi	Họ và tên	Ngày sinh	Trình độ chuyên môn	Đối tượng ưu tiên	Điểm cộng ưu tiên	Ghi chú
198	Điều Dưỡng Hạng III	198	KT.309	Nguyễn Thị Nga	11.10.1993	Cử nhân Điều Dưỡng			
199	Điều Dưỡng Hạng III	199	KT.309	Hồ Thị Kim Ngân	12.06.2003	Cử nhân Điều Dưỡng			
200	Điều Dưỡng Hạng III	200	KT.309	Cao Thị Ngân	15.08.2000	Cử nhân Điều Dưỡng			
201	Điều Dưỡng Hạng III	201	KT.309	Trần Thị Nghĩa	26.06.1995	Cử nhân Điều Dưỡng			
202	Điều Dưỡng Hạng III	202	KT.309	Lê Thị Ngọc	12.04.1994	Cử nhân Điều Dưỡng			
203	Điều Dưỡng Hạng III	203	KT.309	Bùi Thị Hồng Ngọc	16.03.2000	Cử nhân Điều Dưỡng			
204	Điều Dưỡng Hạng III	204	KT.309	Hồ Thị Ngọc	20.03.1993	Cử nhân Điều Dưỡng			
205	Điều Dưỡng Hạng III	205	KT.309	Trương Thị Hồng Nguyên	01.01.1988	Cử nhân Điều Dưỡng			
206	Điều Dưỡng Hạng III	206	KT.309	Lê Thị Thu Nguyệt	22.03.2003	Cử nhân Điều Dưỡng			
207	Điều Dưỡng Hạng III	207	KT.309	Đinh Thị Nguyệt	02.12.1992	Cử nhân Điều Dưỡng			
208	Điều Dưỡng Hạng III	208	KT.309	Chu Thị Ngọc Nhi	19.10.2003	Cử nhân Điều Dưỡng			
209	Điều Dưỡng Hạng III	209	KT.309	Phạm Thị Oanh	12.07.1993	Cử nhân Điều Dưỡng			
210	Điều Dưỡng Hạng III	210	KT.309	Lê Thị Phương	13.10.1998	Cử nhân Điều Dưỡng			
211	Điều Dưỡng Hạng III	211	KT.309	Tôn Thị Hồng Quyên	28.03.2001	Cử nhân Điều Dưỡng			
212	Điều Dưỡng Hạng III	212	KT.409	Nguyễn Thị Sâm	10.10.1995	Cử nhân Điều Dưỡng			
213	Điều Dưỡng Hạng III	213	KT.409	Phạm Thị Thanh Tâm	02.02.2000	Cử nhân Điều Dưỡng			

STT	Vị trí dự tuyển	Số báo danh	Phòng thi	Họ và tên	Ngày sinh	Trình độ chuyên môn	Đối tượng ưu tiên	Điểm cộng ưu tiên	Ghi chú
214	Điều Dưỡng Hạng III	214	KT.409	Đặng Thị Tâm	10.09.1992	Cử nhân Điều Dưỡng			
215	Điều Dưỡng Hạng III	215	KT.409	Hồ Thị Thơm	01.02.1995	Cử nhân Điều Dưỡng			
216	Điều Dưỡng Hạng III	216	KT.409	Trần Thanh Thuý	19.08.1999	Cử nhân Điều Dưỡng			
217	Điều Dưỡng Hạng III	217	KT.409	Hoàng Trần Thủy	15.07.1998	Cử nhân Điều Dưỡng			
218	Điều Dưỡng Hạng III	218	KT.409	Võ Thị Thủy	28.10.2003	Cử nhân Điều Dưỡng			
219	Điều Dưỡng Hạng III	219	KT.409	Thái Thị Ngọc Trâm	12.01.1999	Cử nhân Điều Dưỡng			
220	Điều Dưỡng Hạng III	220	KT.409	Nguyễn Thị Huyền Trang	13.06.2003	Cử nhân Điều Dưỡng			
221	Điều Dưỡng Hạng III	221	KT.409	Trần Huyền Trang	20.09.2003	Cử nhân Điều Dưỡng			
222	Điều Dưỡng Hạng III	222	KT.409	Đinh Thị Mai Trang	23.01.2003	Cử nhân Điều Dưỡng			
223	Điều Dưỡng Hạng III	223	KT.409	Bùi Thị Trang	05.07.2003	Cử nhân Điều Dưỡng			
224	Điều Dưỡng Hạng III	224	KT.409	Hoàng Thị Quỳnh Trang	30.03.2002	Cử nhân Điều Dưỡng			
225	Điều Dưỡng Hạng III	225	KT.409	Nguyễn Thị Trang	10.07.1994	Cử nhân Điều Dưỡng			
226	Điều Dưỡng Hạng III	226	KT.409	Trần Thị Thúy Trang	16.12.2002	Cử nhân Điều Dưỡng			
227	Điều Dưỡng Hạng III	227	KT.409	Lê Huyền Trang	22.10.2003	Cử nhân Điều Dưỡng			
228	Điều Dưỡng Hạng III	228	KT.409	Nguyễn Thị Triều	20.03.1995	Cử nhân Điều Dưỡng			
229	Điều Dưỡng Hạng III	229	KT.409	Nguyễn Thị Kiều Trinh	18.05.2003	Cử nhân Điều Dưỡng			

STT	Vị trí dự tuyển	Số báo danh	Phòng thi	Họ và tên	Ngày sinh	Trình độ chuyên môn	Đối tượng ưu tiên	Điểm cộng ưu tiên	Ghi chú
230	Điều Dưỡng Hạng III	230	KT.409	Nguyễn Thị Tố Uyên	11.12.2002	Cử nhân Điều Dưỡng			
231	Điều Dưỡng Hạng III	231	KT.409	Trương Nguyễn Thuý Vân	18.11.2002	Cử nhân Điều Dưỡng			
232	Điều Dưỡng Hạng III	232	KT.409	Bùi Thị Hà Vi	25.07.2002	Cử nhân Điều Dưỡng			
233	Điều Dưỡng Hạng III	233	KT.409	Nguyễn Thảo Vi	25.07.2001	Cử nhân Điều Dưỡng			
234	Điều Dưỡng Hạng III	234	KT.409	Lê Thị Tuyết Vi	25.07.1998	Cử nhân Điều Dưỡng			
235	Điều Dưỡng Hạng III	235	KT.409	Hồ Thị Yến	15.12.1996	Cử nhân Điều Dưỡng			
236	Điều Dưỡng Hạng III	236	KT.409	Phạm Thị Hải Yến	11.11.2003	Cử nhân Điều Dưỡng			
237	Điều Dưỡng Hạng III	237	KT.409	Nguyễn Hoàng Yến	16.08.1999	Cử nhân Điều Dưỡng			
238	Điều Dưỡng Hạng III	238	KT.409	Mai Thị Yến	25.01.1989	Cử nhân Điều Dưỡng			
239	Điều Dưỡng Hạng III	239	KT.409	Phạm Hoàng Hải Yến	01.06.1994	Cử nhân Điều Dưỡng	Con thương binh	5	
240	Kỹ thuật y hạng III chẩn đoán hình ảnh	240	KT.401	Dương Ngọc Ánh	12.04.1997	Cử nhân kỹ thuật hình ảnh y học			
241	Kỹ thuật y hạng III chẩn đoán hình ảnh	241	KT.401	Nguyễn Thị Ánh	27.05.2003	Cử nhân kỹ thuật hình ảnh y học			
242	Kỹ thuật y hạng III chẩn đoán hình ảnh	242	KT.401	Phạm Tiến Cầu	27.02.2003	Cử nhân kỹ thuật hình ảnh y học			
243	Kỹ thuật y hạng III chẩn đoán hình ảnh	243	KT.401	Phạm Trọng Đại	18.08.1998	Cử nhân kỹ thuật hình ảnh y học			

STT	Vị trí dự tuyển	Số báo danh	Phòng thi	Họ và tên	Ngày sinh	Trình độ chuyên môn	Đối tượng ưu tiên	Điểm cộng ưu tiên	Ghi chú
244	Kỹ thuật y hạng III chẩn đoán hình ảnh	244	KT.401	Nguyễn Quốc Đại	07.07.2000	Cử nhân kỹ thuật hình ảnh y học			
245	Kỹ thuật y hạng III chẩn đoán hình ảnh	245	KT.401	Bùi Thị Ngọc Diệp	04.09.2000	Cử nhân chẩn đoán hình ảnh			
246	Kỹ thuật y hạng III chẩn đoán hình ảnh	246	KT.401	Phạm Thị Định	29.01.2000	Cử nhân kỹ thuật hình ảnh y học			
247	Kỹ thuật y hạng III chẩn đoán hình ảnh	247	KT.401	Nguyễn Thái Đông	10.02.2001	Cử nhân kỹ thuật hình ảnh			
248	Kỹ thuật y hạng III chẩn đoán hình ảnh	248	KT.401	Nguyễn Văn Đức	05.02.1997	Cử nhân kỹ thuật hình ảnh y học			
249	Kỹ thuật y hạng III chẩn đoán hình ảnh	249	KT.401	Phạm Thanh Đức	02.07.1998	Cử nhân kỹ thuật hình ảnh y học			
250	Kỹ thuật y hạng III chẩn đoán hình ảnh	250	KT.401	Mai Thu Hằng	28.07.1998	Cử nhân kỹ thuật hình ảnh y học			
251	Kỹ thuật y hạng III chẩn đoán hình ảnh	251	KT.401	Trần Minh Hồng	08.09.2003	Cử nhân kỹ thuật hình ảnh y học			
252	Kỹ thuật y hạng III chẩn đoán hình ảnh	252	KT.401	Ngô Thị Diệu Linh	12.11.2003	Cử nhân kỹ thuật hình ảnh y học			
253	Kỹ thuật y hạng III chẩn đoán hình ảnh	253	KT.401	Hà Thị Mến	11.11.1997	Cử nhân Kỹ thuật hình ảnh y học			

STT	Vị trí dự tuyển	Số báo danh	Phòng thi	Họ và tên	Ngày sinh	Trình độ chuyên môn	Đối tượng ưu tiên	Điểm cộng ưu tiên	Ghi chú
254	Kỹ thuật y hạng III chẩn đoán hình ảnh	254	KT.401	Đặng Thành Nam	14.05.2000	Cử nhân kỹ thuật hình ảnh y học	Con thương binh	5	
255	Kỹ thuật y hạng III chẩn đoán hình ảnh	255	KT.401	Nguyễn Trọng Nghĩa	23.09.2001	Cử nhân kỹ thuật hình ảnh y học			
256	Kỹ thuật y hạng III chẩn đoán hình ảnh	256	KT.401	Nguyễn Thị Nguyệt	11.04.2003	Cử nhân kỹ thuật hình ảnh y học			
257	Kỹ thuật y hạng III chẩn đoán hình ảnh	257	KT.401	Nguyễn Khắc Núi	17.04.2001	Cử nhân Kỹ thuật hình ảnh y học			
258	Kỹ thuật y hạng III chẩn đoán hình ảnh	258	KT.401	Nguyễn Thị Thanh Thảo	20.09.1996	Cử nhân kỹ thuật hình ảnh y học			
259	Kỹ thuật y hạng III chẩn đoán hình ảnh	259	KT.401	Đinh Thị Thu Thảo	18.10.2003	Cử nhân kỹ thuật hình ảnh Y hịc			
260	Kỹ thuật y hạng III chẩn đoán hình ảnh	260	KT.401	Võ Thị Diệu Thuý	02.02.1999	Cử nhân kỹ thuật hình ảnh y học			
261	Kỹ thuật y hạng III chẩn đoán hình ảnh	261	KT.401	Hồ Thị Bích Thuý	02.06.2000	Cử nhân kỹ thuật hình ảnh y học			
262	Kỹ thuật y hạng III chẩn đoán hình ảnh	262	KT.402	Phạm Văn Triệu	10.08.1999	Cử nhân kỹ thuật hình ảnh y học			
263	Kỹ thuật y hạng III chẩn đoán hình ảnh	263	KT.402	Trần Anh Tuấn	05.01.1991	Cử nhân hình ảnh y học			

STT	Vị trí dự tuyển	Số báo danh	Phòng thi	Họ và tên	Ngày sinh	Trình độ chuyên môn	Đối tượng ưu tiên	Điểm cộng ưu tiên	Ghi chú
264	Kỹ thuật y hạng III chẩn đoán hình ảnh	264	KT.402	Phan Thị Xuân	10.10.1992	Cử nhân kỹ thuật y học	Con bệnh binh	5	
265	Chuyên viên tài chính	265	KT.403	Nguyễn Thị Ngọc Anh	25.02.1995	Cử nhân kinh tế			
266	Chuyên viên tài chính	266	KT.403	Trần Kim Dũng	19.09.1995	Cử nhân kinh tế			
267	Chuyên viên tài chính	267	KT.403	Lê Thị Mỹ Hoa	25.08.2000	Cử nhân kinh tế phát triển			
268	Chuyên viên tài chính	268	KT.403	Nguyễn Thị Khánh Huyền	10.04.2002	Cử nhân kinh tế			
269	Chuyên viên tài chính	269	KT.403	Nguyễn Ngọc Long	17.08.2000	Cử nhân kế toán chuyên ngành kiểm toán			
270	Chuyên viên tài chính	270	KT.403	Lê Thị Minh Ngân	07.05.1987	Cử nhân Tài chính - Ngân hàng			
271	Chuyên viên tài chính	271	KT.403	Phan Thị Hồng Ngọc	12.12.1992	Cử nhân tài chính ngân hàng	Con thương binh	5	
272	Chuyên viên tài chính	272	KT.403	Mai Thu Phương	27.08.1987	Cử nhân kinh tế			
273	Chuyên viên tài chính	273	KT.403	Nguyễn Thị Thảo	23.01.1994	Cử nhân tài chính ngân hàng			
274	Chuyên viên tài chính	274	KT.403	Đậu Đình Trung	06.11.2003	Cử nhân Kinh tế			
275	Chuyên viên tài chính	275	KT.403	Lê Tuấn Vinh	24.04.2003	Cử nhân tài chính ngân hàng			
276	Kế toán viên	276	KT.403	Phan Thị Phương An	06.09.1999	Cử nhân Kế toán			
277	Kế toán viên	277	KT.403	Nguyễn Hoàng An	17.09.2002	Cử nhân Kế toán			
278	Kế toán viên	278	KT.403	Phan Thị Phương Dung	27.08.2001	Cử nhân ngành Kế toán			
279	Kế toán viên	279	KT.403	Đỗ Tiến Dũng	14.02.1998	Cử nhân Kế toán			

STT	Vị trí dự tuyển	Số báo danh	Phòng thi	Họ và tên	Ngày sinh	Trình độ chuyên môn	Đối tượng ưu tiên	Điểm cộng ưu tiên	Ghi chú
280	Kế toán viên	280	KT.403	Trần Thị Lam Giang	19.07.2003	Cử nhân ngành Kế toán			
281	Kế toán viên	281	KT.403	Lê Thị Thương Giang	01.10.1993	Cử nhân Tài chính-Ngân hàng			
282	Kế toán viên	282	KT.403	Lê Thị Thanh Hà	18.12.1999	Cử nhân Kế toán			
283	Kế toán viên	283	KT.403	Nguyễn Thị Việt Hà	24.11.1998	Thạc sĩ kinh tế - ngành kế toán			
284	Kế toán viên	284	KT.403	Phan Thị Hiền	28.10.1993	Cử nhân Kế toán			
285	Kế toán viên	285	KT.403	Nguyễn Quang Hoàng	05.11.2001	Cử nhân Kế toán			
286	Kế toán viên	286	KT.403	Đoàn Thị Hương	04.09.1987	Thạc sỹ Kế toán			
287	Kế toán viên	287	KT.404	Phạm Quang Huy	04.08.2003	Bằng cử nhân ngành Kế toán			
288	Kế toán viên	288	KT.404	Phan Nguyễn Thanh Huyền	13.03.2001	Cử nhân Kế toán			
289	Kế toán viên	289	KT.404	Nguyễn Thị Khánh Huyền	10.02.2000	Cử nhân Kế toán			
290	Kế toán viên	290	KT.404	Lê Thị Lịch	15.01.2001	Cử nhân ngành kế toán			
291	Kế toán viên	291	KT.404	Nguyễn Thị Ngọc Linh	29.03.1992	Cử nhân Kế toán			
292	Kế toán viên	292	KT.404	Nguyễn Thị Ngọc Mai	26.01.2003	Cử nhân Kế toán			
293	Kế toán viên	293	KT.404	Nguyễn Thị Nga	11.04.1989	Cử nhân Kế toán	Con thương binh, bệnh binh	5	
294	Kế toán viên	294	KT.404	Nguyễn Thị Kim Ngân	10.01.2001	Cử nhân Kế toán			
295	Kế toán viên	295	KT.404	Bùi Hồ Minh Ngọc	21.10.2004	Cử nhân Bảo hiểm - Ngân hàng - Tài chính			
296	Kế toán viên	296	KT.404	Nguyễn Phan Kiều Như	10.01.2003	Cử nhân Kế toán			
297	Kế toán viên	297	KT.404	Biện Thị Như	11.06.1992	Cử nhân Kế toán			
298	Kế toán viên	298	KT.404	Nguyễn Thị Quý	02.12.1993	Cử nhân Kế toán			
299	Kế toán viên	299	KT.404	Nguyễn Chí Thành	28.12.1998	Cử nhân Kế toán			
300	Kế toán viên	300	KT.404	Phan Đức Thành	05.08.1990	Cử nhân Tài chính Ngân hàng			
301	Kế toán viên	301	KT.404	Nguyễn Thị Phương Thảo	07.11.1998	Cử nhân Kế toán			

STT	Vị trí dự tuyển	Số báo danh	Phòng thi	Họ và tên	Ngày sinh	Trình độ chuyên môn	Đối tượng ưu tiên	Điểm cộng ưu tiên	Ghi chú
302	Kế toán viên	302	KT.404	Nguyễn Thị Anh Thư	15.09.2003	Cử nhân Kế toán			
303	Kế toán viên	303	KT.404	Trần Việt Tiến	23.01.1997	Cử nhân kế toán chuyên ngành kiểm toán			
304	Kế toán viên	304	KT.404	Nguyễn Thị Thanh Trà	27.02.2003	Cử nhân Kế toán			
305	Kế toán viên	305	KT.404	Thái Thị Huyền Trang	15.12.2002	Cử nhân Kế toán			
306	Kế toán viên	306	KT.404	Phùng Thuỳ Trang	16.11.2002	Cử nhân tài chính ngân hàng			
307	Kế toán viên	307	KT.404	Phan Thị Huyền Trang	20.11.1991	Cử nhân Kế toán			
308	Kế toán viên	308	KT.404	Đậu Thị Tuyết	15.05.2000	Cử nhân Kế toán			
309	Công nghệ thông tin hạng III - Kỹ thuật phần mềm	309	KT.405	Lưu Hải Đăng	12.04.2000	Cử nhân Hệ thống thông tin			
310	Công nghệ thông tin hạng III - Kỹ thuật phần mềm	310	KT.405	Phạm Bá Hiếu	20.01.2002	Kỹ sư công nghệ phần mềm			
311	Công nghệ thông tin hạng III - Kỹ thuật phần mềm	311	KT.405	Đỗ Việt Hoàng	05.05.2000	Kỹ sư kỹ thuật phần mềm			
312	Công nghệ thông tin hạng III - Kỹ thuật phần mềm	312	KT.405	Ngô Quang Nhật Minh	02.09.2002	Cử nhân chuyên ngành Kỹ thuật phần mềm			
313	Công nghệ thông tin hạng III - Kỹ thuật phần mềm	313	KT.405	Ngô Ngọc Tấn	09.12.2003	Cử nhân kỹ thuật phần mềm			
314	Công nghệ thông tin hạng III - Kỹ thuật phần mềm	314	KT.405	Vương Thế Vinh	24.05.1990	Kỹ sư kỹ thuật phần mềm			

STT	Vị trí dự tuyển	Số báo danh	Phòng thi	Họ và tên	Ngày sinh	Trình độ chuyên môn	Đối tượng ưu tiên	Điểm cộng ưu tiên	Ghi chú
315	Công nghệ thông tin hạng III (Công nghệ thông tin - Điện tử viễn thông)	315	KT.405	Nguyễn Trọng Dân	15.11.1994	Kỹ sư Kỹ thuật điện tử truyền thông			
316	Công nghệ thông tin hạng III (Công nghệ thông tin - Điện tử viễn thông)	316	KT.405	Nguyễn Văn Hoàng	20.08.1988	Kỹ sư Điện tử viễn thông			
317	Công nghệ thông tin hạng III (Công nghệ thông tin - Điện tử viễn thông)	317	KT.405	Phan Đình Hùng	23.02.1988	Kỹ sư điện tử viễn thông			
318	Công nghệ thông tin hạng III (Công nghệ thông tin - Điện tử viễn thông)	318	KT.405	Đoàn An Hưng	31.03.1999	Kỹ sư công nghệ thông tin			
319	Công nghệ thông tin hạng III (Công nghệ thông tin - Điện tử viễn thông)	319	KT.405	Mông Mạnh Hưng	04.02.2002	Kỹ sư công nghệ thông tin	Dân tộc Thái	5	
320	Công nghệ thông tin hạng III (Công nghệ thông tin - Điện tử viễn thông)	320	KT.405	Nguyễn Khánh Hưng	23.08.2001	Kỹ sư Công nghệ thông tin			

STT	Vị trí dự tuyển	Số báo danh	Phòng thi	Họ và tên	Ngày sinh	Trình độ chuyên môn	Đối tượng ưu tiên	Điểm cộng ưu tiên	Ghi chú
321	Công nghệ thông tin hạng III (Công nghệ thông tin - Điện tử viễn thông)	321	KT.405	Nguyễn Tất Lộc	17.09.2003	Cử nhân công nghệ thông tin			
322	Công nghệ thông tin hạng III (Công nghệ thông tin - Điện tử viễn thông)	322	KT.405	Trần Thị Thu Lựu	14.07.2003	Kỹ sư Công nghệ thông tin			
323	Công nghệ thông tin hạng III (Công nghệ thông tin - Điện tử viễn thông)	323	KT.405	Trần Văn Pháp	10.09.2000	Kỹ Sư Công Nghệ Thông Tin			
324	Công nghệ thông tin hạng III (Công nghệ thông tin - Điện tử viễn thông)	324	KT.405	Nguyễn Tiến Quang	13.01.1997	Kỹ sư Công Nghệ Thông Tin			
325	Công nghệ thông tin hạng III (Công nghệ thông tin - Điện tử viễn thông)	325	KT.405	Nguyễn Hữu Thọ	25.11.1990	Kỹ sư Kỹ thuật điện tử - viễn thông			
326	Công nghệ thông tin hạng III (Công nghệ thông tin - Điện tử viễn thông)	326	KT.405	Nguyễn Viết Trọng	26.08.1996	Công nghệ thông tin			

STT	Vị trí dự tuyển	Số báo danh	Phòng thi	Họ và tên	Ngày sinh	Trình độ chuyên môn	Đối tượng ưu tiên	Điểm cộng ưu tiên	Ghi chú
327	Công nghệ thông tin hạng III (Công nghệ thông tin - Điện tử viễn thông)	327	KT.405	Lê Quang Vinh	02.10.2000	kỹ sư công nghệ thông tin			
328	Công nghệ thông tin hạng III (Công nghệ thông tin - Điện tử viễn thông)	328	KT.405	Phạm Tuấn Vũ	28.10.1990	Kỹ sư Điện tử viễn thông			
329	Kỹ sư hạng III (xây dựng)	329	KT.406	Nguyễn Bá Kiên	29.11.1990	Kiến trúc sư	Con thương binh	5	
330	Kỹ sư hạng III (xây dựng)	330	KT.406	Nguyễn Đình Thành	01.05.1993	Kiến Trúc Sư			
331	Kỹ sư hạng III (xây dựng)	331	KT.406	Hoàng Đình Thập	06.05.1979	Kiến trúc sư			
332	Chuyên viên về quản lý nguồn nhân lực	332	KT.402	Đặng Thị Hoài An	04.04.1995	Cử nhân kinh tế			
333	Chuyên viên về quản lý nguồn nhân lực	333	KT.402	Đậu Thị Thiên Ân	16.11.1999	Cử nhân Quản trị Nhân lực			
334	Chuyên viên về quản lý nguồn nhân lực	334	KT.402	Nguyễn Đức Anh	03.05.2002	Cử nhân Quản trị kinh doanh			
335	Chuyên viên về quản lý nguồn nhân lực	335	KT.402	Lê Nguyễn Mai Anh	11.01.1999	Cử nhân Quản trị kinh doanh			
336	Chuyên viên về quản lý nguồn nhân lực	336	KT.402	Hoàng Thị Ánh	14.06.1999	Cử nhân quản lý nhà nước chuyên ngành quản lý tổ chức và nhân sự			

STT	Vị trí dự tuyển	Số báo danh	Phòng thi	Họ và tên	Ngày sinh	Trình độ chuyên môn	Đối tượng ưu tiên	Điểm cộng ưu tiên	Ghi chú
337	Chuyên viên về quản lý nguồn nhân lực	337	KT.402	Nguyễn Việt Dũng	28.05.1989	Thạc sĩ quản trị kinh doanh			
338	Chuyên viên về quản lý nguồn nhân lực	338	KT.402	Nguyễn Thị Mai Giang	02.01.2001	Cử nhân ngành Logistics và quản lý chuỗi cung ứng			
339	Chuyên viên về quản lý nguồn nhân lực	339	KT.402	Trần Thị Thu Hà	02.02.1992	Cử nhân Quản trị nhân lực	Con thương binh	5	
340	Chuyên viên về quản lý nguồn nhân lực	340	KT.402	Lê Thị Hằng	22.07.1991	Cử nhân Quản lý văn hoá			
341	Chuyên viên về quản lý nguồn nhân lực	341	KT.402	Trần Thị Thanh Huyền	25.06.2002	Cử nhân Kinh tế phát triển			
342	Chuyên viên về quản lý nguồn nhân lực	342	KT.402	Nguyễn Lê Khánh Huyền	10.10.1994	Thạc sĩ Kinh tế			
343	Chuyên viên về quản lý nguồn nhân lực	343	KT.402	Nguyễn Tuấn Mạnh	05.10.2002	Cử nhân Kinh tế			
344	Chuyên viên về quản lý nguồn nhân lực	344	KT.402	Cao Thị Huyền Trang	12.08.1999	Thạc sĩ Luật kinh tế			
345	Chuyên viên về quản lý nguồn nhân lực	345	KT.402	Trần Mạnh Trung	15.03.2003	Cử nhân Quản trị Kinh doanh chuyên ngành Quản trị Bệnh viện			

STT	Vị trí dự tuyển	Số báo danh	Phòng thi	Họ và tên	Ngày sinh	Trình độ chuyên môn	Đối tượng ưu tiên	Điểm cộng ưu tiên	Ghi chú
346	Chuyên viên về quản lý nguồn nhân lực	346	KT.402	Lăng Hoàng Yến	02.05.2002	Cử nhân Khoa học quản lý - chuyên ngành Quản lý Kinh tế			
347	Chuyên viên về hành chính- văn phòng	347	KT.406	Đặng Thị Ngọc Hiệp	07.05.1998	Cử nhân Quản lý nhà nước tương đương ngành Hành chính học			
348	Chuyên viên về hành chính- văn phòng	348	KT.406	Phùng Anh Thơ	12.06.2003	Cử nhân Luật			
349	Chuyên viên về hành chính- văn phòng	349	KT.406	Nguyễn Thị Thúy	24.11.2002	Cử nhân Quản trị Văn phòng			
350	Chuyên viên pháp chế	350	KT.406	Thái Ngọc An	22.10.2003	Cử nhân Luật kinh tế			
351	Chuyên viên pháp chế	351	KT.406	Nguyễn Minh Châu	14.08.2001	Cử nhân Luật Kinh tế			
352	Chuyên viên pháp chế	352	KT.406	Nguyễn Thị Hoa	20.01.1998	Cử nhân Luật			
353	Chuyên viên pháp chế	353	KT.406	Nguyễn Khánh Linh	10.06.1996	Thạc sĩ Luật Kinh tế			
354	Chuyên viên pháp chế	354	KT.406	Trịnh Thị Ánh Tuyết	17.09.2001	Cử nhân Luật			
355	Chuyên viên Quản lý đấu thầu	355	KT.406	Nguyễn Thị Linh Chi	30.10.1999	Cử nhân Luật			
356	Chuyên viên Quản lý đấu thầu	356	KT.406	Hoàng Diệu Linh	21.12.1999	Cử nhân luật	Dân tộc Thái	5	
357	Chuyên viên Quản lý đấu thầu	357	KT.406	Hoàng Thái Thanh Tâm	14.11.1999	Cử nhân luật			

**THỜI GIAN BIỂU TỪNG BUỔI THI VÒNG 2 KỲ THI TUYỂN VIÊN CHỨC
BỆNH VIỆN HỮU NGHỊ ĐA KHOA NGHỆ AN NĂM 2025**

(Ban hành kèm theo Thông báo số /TB-BV ngày 30/01/2026 của Hội đồng thi tuyển viên chức năm 2025)

	THI VÒNG II
Chiều Chủ nhật, ngày 01/02/2026	Môn thi: Kiến thức chuyên ngành (Thí sinh làm bài trên giấy)
13h00 – 13h25	Họp CBCT tại điểm thi, phân công CBCT về phòng thi.
13h25 – 13h35	- Nhận giấy thi, giấy nháp và túi tài liệu của phòng thi; - Đánh số báo danh vào bàn của thí sinh; - Gọi thí sinh vào phòng thi; đối chiếu, kiểm tra giấy tờ tùy thân có ảnh.
13h35 – 13h45	- CBCT1 nhận đề thi tại BCD điểm thi; - CBCT2 ký tên vào ô dành cho CBCT trên giấy thi, giấy nháp; - Phát và hướng dẫn thí sinh điền vào các mục trên giấy thi, giấy nháp.
13h45 – 13h50	Cho thí sinh trong phòng thi chứng kiến tình trạng niêm phong của túi đựng đề thi, sự phù hợp môn thi với lịch thi và lập biên bản xác nhận có chữ ký của 2 thí sinh.
13h50 – 14h00	- Bóc túi đựng đề thi và phát đề thi cho thí sinh; - Yêu cầu thí sinh kiểm tra tình trạng đề thi.
14h00	Bắt đầu tính giờ làm bài: Từ 14h00 - 17h00 (180 phút)
14h15	Nộp đề thi thừa đã được niêm phong cho người được Trưởng ban coi thi phân công.
16h45	CBCT nhắc thí sinh còn 15 phút làm bài
17h00	- Hết giờ làm bài thi. CBCT thu bài thi của thí sinh; - Yêu cầu thí sinh ký vào Phiếu thu bài thi (ghi rõ số tờ giấy thi); - Niêm phong, bàn giao bài thi cho người được Trưởng Ban coi thi phân công.
17h15 – 17h30	Họp tổng kết kỳ thi tại BCD điểm thi